TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HS-PT
Ngày 07-8-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Cảnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử

Bà Phạm Thị Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Nam là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 58/2019/TLPT-HS ngày 21 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo Thái Tấn P và 03 bị cáo, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2019/HS-ST ngày 08-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Thái Tấn P, sinh năm 1992 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Tấn M, sinh năm 1968 và bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1968; có vợ Nguyễn Thị Nhật L, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2018; tiền án: 02 tiền án: Tại bản án hình sự phúc thẩm số: 252/2010/HSPT ngày 25-8-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 *(Một)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 02 tháng 10 ngày, về tội *"Trộm cắp tài sản"*; tại bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2012/HSST ngày 13/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 *(Ba)* năm tù về tội *"Cố ý gây thương tích"*, tổng hợp chung với bản án hình sự phúc thẩm số: 252/2010/HSPT ngày 25-8-2010, phải chấp hành chung của cả bản án là 04 *(Bốn)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù, chấp hành xong hình phạt vào ngày 09-5-2016, chưa được xóa án tích, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-01-2018 đến ngày 13-02-2018; bị bắt tạm giam lại ngày 08-5-2019, đang bị tạm giam – Có mặt.

2. Nguyễn Hữu Q *(U)*, sinh năm 1995 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Khối A, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con

ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1953 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1951; có vợ Nguyễn Thị V và có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-01-2018 đến ngày 13-02-2018; ngày 20-02-2019 có hành vi *"Cố ý làm hư hỏng tài sản"* bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T, tỉnh Đắk Nông bắt tạm giam; đang tạm giam trong vụ án khác – Có mặt.

3. Huỳnh Văn T *(C)*, sinh năm 1995 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn N *(đã chết)* và bà Hồ Thị Kim C, sinh năm 1970; có vợ Trần Thị N và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số: 448/2012/HSPT ngày 17-12-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 *(Bốn)* năm tù về tội *"Cố ý gây thương tích"*, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 12-4-2015, đã được xóa án tích; tại Quyết định xử phạt hành chính số 07/QĐ ngày 08-8-2012 của Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức *"Cảnh cáo"* về hành vi đánh người gây thương tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-01-2018 đến ngày 04-4-2018, đang tại ngoại – Có mặt.

4. Trần Tuấn K, sinh năm 1991 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Tổ A, khối C, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh P, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1969; chưa có vợ, con; tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 368/2015/HSST ngày 25-11-2015 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 *(Một)* năm 03 *(Ba)* tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* và 06 *(Sáu)* tháng tù về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16-5-2017, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 415/2009/HSST ngày 22-12-2009 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 *(Hai)* năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 03 *(Ba)* năm 05 *(Năm)* tháng 08 *(Tám)* ngày, về tội *"Cố ý gây thương tích"*; ngày 10-11-2014 thực hiện hành vi *"Trộm cắp tài sản"* bị Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000đồng, đã chấp hành xong quyết định xử phạt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-01-2018 đến ngày 04-4-2018, đang tại ngoại – Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Lê Th không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị. Bị hại Nguyễn Văn Linh Đ sinh ngày 6/10/2000, khi xét xử đã trên 18 tuổi

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng tháng 8/2017, Nguyễn Văn Linh Đ *(sinh ngày 06-10-2000)* trú tại Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông, có quen biết với Lê Th và

đối tượng tên R *(Không xác định được nhân thân, lai lịch)* nên giữa Đ và R có thỏa thuận về việc tham gia cá độ bóng đá, báo kèo và nhận kèo qua Zalo. Sau khi nhận được kèo từ R thì Đ gửi cho Hứa Văn T *(Sinh năm 1982 trú tại Bon Đ, xã Q, huyện T)* để chơi. Trong thời gian khoảng 08 ngày, Hứa Văn T chơi cá độ bóng đá với Đ và thua Đ tổng số tiền 210.000.000 đồng nhưng chưa có tiền trả, nên Đ không có tiền để trả cho R như đã thỏa thuận. Đến ngày 06-01-2018, Lê Th cùng Thái Tấn P đến xã Q, huyện T gặp Đ để đòi nợ giúp cho R, thì Đ hẹn 10 ngày sau sẽ trả với lý do để Đ lấy tiền của T nếu không Th và P sẽ gặp bố mẹ Đ để nói chuyện.

Đến khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 31-01-2018, Th nhờ Nguyễn Hữu Q điều khiển xe ô tô biển số 51A - 58272 *(Q thuê của anh Trần Khánh B đi đám cưới bạn)* lên quán Karaoke A ở ngã ba R thuộc xã N, huyện Đ rủ Thái Tấn P đi lên xã Đ, huyện T để lấy nợ thì P đồng ý, P rủ thêm Huỳnh Văn T đi cùng, khi lên xe Th nói với Q chở Th, P và T đến thị trấn Đ, huyện Đ đón thêm Trần Tuấn K. Khi đã đầy đủ mọi người thì P điều khiển xe đi vào xã Đ tìm Linh Đ đòi nợ. Khi đến quán cà phê P thì tất cả vào uống nước, Th gọi điện thoại di động cho Đ nhưng Đ không trả lời và Th đưa số điện thoại của Đ cho P gọi nhưng Đ cũng không trả lời nên P nói lại với Th, Q, T và K với nội dung *"Đ là học sinh nó không có tiền đâu, tìm nó đánh dằn mặt rồi bắt nó đưa nó về nhà cho bố mẹ nó biết"*, nghe P nói như vậy thì tất cả đồng ý không có ý kiến gì. Th cùng với P, Q, K, T đến cổng trường Trung học phổ thông L tìm Đ nhưng Đ không đi học nên Th điều khiển xe ô tô chở tất cả đi ra ngã ba chợ Đ cũ, quá trình ngồi trên xe ô tô Th nói với mọi người trên xe *"nếu chiều nay nó không học ở đây thì nó cũng học ở nơi khác, nếu không gặp ở trường thì chạy vô ngã ba Đ đứng chờ, khi nào gặp nó thì đánh cho nó một trận"*.

Khi tất cả đi ngang qua quán cà phê K thuộc thôn A, xã Đ thì P và Th phát hiện Đ đang ở trong quán nên nói *"nó kìa vào đưa nó ra đây nói chuyện với anh"*, nghe vậy Q và T đi vào quán gọi Đ ra xe ô tô cho Th và P nói chuyện vì sợ Đ nhìn thấy sẽ bỏ chạy. Q và T đi xuống xe vào trong quán cà phê K, khi vào quán thì Q hỏi T là Đ đây hả, T chưa kịp trả lời thì Đ trả lời Q *"Đ đây"*, nghe vậy Q nói với Đ *"em nợ tiền ai thì ra xe nói chuyện với người ta"*. Ngay sau đó, Q và T dẫn Đ đi ra xe, khi Đ cách xe khoảng 03 mét thì thấy P mở cửa đi xuống nên Đ quay người bỏ chạy thì bị Q túm vai bên phải. T giữ tay trái của Đ, P tiến đến gần Đ dùng tay túm vào cổ áo và tát vào mặt Đ hai cái, đồng thời Q và T cũng hỗ trợ P đẩy Đ lên xe sau đó đóng cửa lại. Lúc này, Phùng Thị Thùy D là bạn của Đ thấy vậy nên chạy ra xe ô tô giữ cửa xe bên phụ hỏi Q *"anh có chuyện gì vậy"* thì Q trả lời *"cho anh mượn thằng cu này một tí, nó đang nợ tiền anh"* thì D không đồng ý và yêu cầu thả Đ xuống, khi Q đang nói chuyện với D thì Th, P, T quát mắng và yêu cầu Đ trả tiền cho Th thì lúc này có lực lượng Công an huyện T đi tuần phát hiện sự việc Q, Th, K, T và P có hành vi bắt giữ Đ trái pháp luật nên đã lập biên bản bắt quả tang cùng tang vật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 08-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Thái Tấn P, Nguyễn Hữu Q *(U)*, Huỳnh Văn T *(C)* và Trần Tuấn K phạm tội *"Bắt người trái pháp luật"*.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Thái Tấn P 02 *(Hai)* năm 09 *(Chín)* tháng tù.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Tuấn K 02 *(Hai)* năm tù.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q và Huỳnh Văn T *(C)* mỗi bị cáo 01*(Một)* năm 03 *(Ba)* tháng tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo khác; xử lý vật chứng; trách nhiệm dân sự; án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 14-5-2019 bị cáo Thái Tấn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 15-5-2019 bị cáo Huỳnh Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo;

Ngày 17-5-2019 các bị cáo Nguyễn Hữu Q và Trần Tuấn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Thái Tấn P, Huỳnh Văn T *(C)*, Nguyễn Hữu Q *(U)* và Trần Tuấn K khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xử phạt các bị cáo về tội *"Bắt người trái pháp luật"* theo điểm e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã kết luận, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt các bị cáo Thái Tấn P, Nguyễn Hữu Q (U), Huỳnh Văn T (C) và Trần Tuấn K về tội *"Bắt người trái pháp luật"* theo điểm e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thái Tấn P và Trần Tuấn K, nhận thấy bị cáo Thái Tấn P và Trần Tuấn K phạm tội với tình tiết định khung tăng nặng *"Tái phạm nguy hiểm"* và *"Tái phạm"* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Thái Tấn P với mức hình phạt 02 *(Hai)* năm 09 *(Chín)* tháng tù, bị cáo Trần Tuấn K 02 (Hai) năm tù là tương xướng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Thái Tấn P và Trần Tuấn K, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 08-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo Thái Tấn P và Trần Tuấn K. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hữu Q *(U)*; kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Huỳnh Văn T *(C)*, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Huỳnh Văn T

(C) trình bày bị cáo có mẹ bị tai nạn cụt chân không tự lao động được, bị cáo có con nhỏ và vợ không có công ăn việc làm ổn định. Tuy nhiên, tại giai đoạn xét xử sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt mỗi bị cáo 01 *(Một)* năm 03 *(Ba)* tháng tù là mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã xem xét đến vai trò đồng phạm của các bị cáo, tương xướng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu Q *(U)* và Huỳnh Văn T *(C)*, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 08-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q *(U)* và Huỳnh Văn T *(C)*.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Qúa trình điều tra xác định: Do có chuyện nợ tiền từ việc cá độ bóng đá giữa Nguyễn Văn Linh Đ và R *(không rõ nhân thân lai lịch)* nên vào khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 31-01-2018 tại quán cà phê K tại thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông, các bị cáo Lê Th, Thái Tấn P, Trần Tuấn K, Huỳnh Văn T *(C)* và Nguyễn Hữu Q *(U)* đã bắt Nguyễn Văn Linh Đ lên xe ô tô để nói chuyện mục đích yêu cầu Đ phải trả nợ cho R, khi gần đến xe ô tô do nhìn thấy Lê Th, Thái Tấn P và Trần Tuấn K nên Đ quay người bỏ chạy thì Q và T túm cổ áo giữ lại, sau đó Thái Tấn P túm cổ áo của Đ và tát Đ 02 cái rồi cùng Huỳnh Văn T *(C)*, Nguyễn Hữu Q *(U)* và Trần Tuấn K khống chế ép Đ lên xe ô tô để đánh dằn mặt với mục đích đưa Đ về nhà tạo sức ép cho bố mẹ Đ phải trả nợ. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 08-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã kết án các bị cáo Thái Tấn P, Huỳnh Văn T *(C)*, Nguyễn Hữu Q *(U)* và Trần Tuấn K về tội *"Bắt người trái pháp luật"* theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Thái Tấn P, Trần Tuấn K, Nguyễn Hữu Q *(U)*, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Huỳnh Văn T *(C)* xét thấy:

[2.1]. Đối với hình phạt của bị cáo Thái Tấn P: Chỉ vì mục đích lấy nợ cho một đối tượng tên R *(không rõ nhân thân lai lịch)* mà Thái Tấn P cùng Nguyễn Hữu Q *(U)*, Huỳnh Văn T *(C)* và Trần Tuấn K đã khống chế, bắt người bị hại Nguyễn Văn Linh Đ lên xe ô tô. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ

quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có 02 tiền án về tội *"Trộm cắp tài sản"* và tội *"Cố ý gây thương tích"* chưa được xóa án tích, phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Tái phạm nguy hiểm"* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 02 *(Hai)* năm 09 *(Chín)* tháng tù là đã xem xét hết các tình tiết của vụ án và tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thái Tấn P, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt với với bị cáo Thái Tấn P.

[2.2]. Đối với hình phạt của bị cáo Nguyễn Hữu Q *(U)*, Huỳnh Văn T *(C)* và Trần Tuấn K: Mặc dù do bị cáo Lê Th và Thái Tấn Ph rủ rê nhưng các bị cáo Q, T và K có đầy đủ nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng ý thức coi thường pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền tự do thân thể của người bị hại Nguyễn Văn Linh Đ. Đối với bị cáo Trần Tuấn K, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại cho người bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên bị cáo có 01 tiền án về các tội *"Trộm cắp tài sản"* và tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* chưa được xóa án tích, phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Tái phạm"* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, bị cáo có nhân thân xấu; đối với bị cáo Huỳnh Văn T *(C)* và Nguyễn Hữu Q *(U)*, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Do các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, được bị cáo khác rủ rê nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Trần Tuấn K mức hình phạt 02 *(Hai)* năm tù là đầu khung hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Hữu Q *(U)* và Huỳnh Văn T *(C)* mỗi bị cáo 01 *(Một)* năm 03 *(Ba)* tháng tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã xem xét đến vai trò phạm tội của từng bị cáo mà quyết định hình phạt là phù hợp, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Tuấn K, Huỳnh Văn T *(C)* và Nguyễn Hữu Q *(U)*, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt với các bị cáo Trần Tuấn K, Huỳnh Văn T *(C)* và Nguyễn Hữu Q *(U)*.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Thái Tấn P, Trần Tuấn K, Nguyễn Hữu Q *(U)* và Huỳnh Văn T *(C)* phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Thái Tấn P, Trần Tuấn K, Nguyễn Hữu Q *(U)* và Huỳnh Văn T *(C)*, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 08-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo Thái Tấn P, Trần Tuấn K, Nguyễn Hữu Q *(U)* và Huỳnh Văn T *(C)*.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Thái Tấn P 02 *(Hai)* năm 09 *(Chín)* tháng tù về tội *"Bắt người trái pháp luật"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/5/2019; khấu trừ thời gian bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-01-2018 đến ngày 13-02-2018.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Tuấn K 02 *(Hai)* năm tù về tội *"Bắt người trái pháp luật"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ đi thời gian bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-01-2018 đến ngày 04-4-2018.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q 01 *(Một)* năm 03 *(Ba)* tháng tù về tội *"Bắt người trái pháp luật"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ thời gian bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-01-2018 đến ngày 13-02-2018.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 01 *(Một)* năm 03 *(Ba)* tháng tù về tội *"Bắt người trái pháp luật"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ thời gian bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-01-2018 đến ngày 04-4-2018.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Thái Tấn P, Trần Tuấn K, Nguyễn Hữu Q *(U)* và Huỳnh Văn T *(C)* mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ, Công an tỉnh Đ;
- Công an huyện Tuy Đức;
- Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- Các bị cáo;
- Lưu: Tổ Hành chính tư pháp, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Cảnh